**TÒA ÁN NHÂN DÂN HYỆN HÀ TRUNG TỈNH THANH HÓA**

Số: 97/2022/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Hà Trung, ngày 30 tháng 11 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH**

**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN**

**CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 164/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11

năm 2022, giữa:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1982. Địa chỉ: Xón 4, thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh N. *Bị đơn:* Anh Bùi Văn L, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh T.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia

đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6; khoản 7, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22/11/2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22/11/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly

hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C và anh Bùi Văn L.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

***Về con chung***: Chị Nguyễn Thị C và anh Bùi Văn L thừa nhận, vợ chồng có 01 con chung, cháu tên là Bùi Văn H, sinh ngày 10/8/2013. Chị C và anh L thỏa thuận, anh L trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, chị C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng), thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 11 năm 2022 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Chị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị C không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con của anh L.

***Về tài sản***: Chị C và anh L không yêu cầu Toà án giải quyết.

***Về án phí***: Chị C và anh L thỏa thuận, chị C chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) và tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng định kỳ là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* chị C đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0004434 ngày 15/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị Nguyễn Thị C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

1. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

* Các đương sự;
* VKSND huyện Hà Trung;
* Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
* Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung;
* Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Trịnh Thanh Hương**